

Số: 177/QĐ-KTCNHV-HSSV

Quận 5, ngày 22 tháng 06 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về cấp học bổng khuyến khích học tập cho học sinh
học kỳ I năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ HÙNG VƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 09 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 2470/QĐ-UBND ngày 05 tháng 06 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 5 trên cơ sở nâng cấp Trường Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương;

Căn cứ Quyết định số 221/QĐ-KTCNHV ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương về ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường;

Căn cứ Quyết định số 109/QĐ-KTCNHV-HSSV ngày 20 tháng 05 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương về ban hành quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh trình độ trung cấp tại Trường;

Xét Tờ trình ngày 22 tháng 6 năm 2023 của hội đồng xét, cấp học bổng khuyến khích học tập năm học 2022-2023 về cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2022-2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2022 - 2023 (05 tháng) cho 77 học sinh trình độ trung cấp (theo danh sách đính kèm) gồm:

- Học sinh loại Xuất sắc : 08 học sinh.
- Học sinh loại Giỏi : 34 học sinh.
- Học sinh loại Khá : 35 học sinh.

Điều 2. Mức học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2022 – 2023 được cấp đủ cho học sinh như sau:

- Học sinh xếp loại Xuất sắc: 4.920.000 đồng/học kỳ (hệ số 1,2 x 820.000 đồng/tháng x 5 tháng).

- Học sinh xếp loại Giỏi: 4.510.000 đồng/học kỳ (hệ số 1,1 x 820.000 đồng/tháng x 5 tháng).
- Học sinh xếp loại Khá: 4.100.000 đồng/học kỳ (hệ số 1 x 820.000 đồng/tháng x 5 tháng).

Điều 3. Phòng Công tác HSSV, Phòng Kế toán, các khoa, bộ môn, các phòng liên quan và các học sinh có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P. CTHSSV.



Phạm Quang Trang Thủy

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ
KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
HÙNG VƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH
HỌC SINH ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Quyết định số 177/QĐ-KTCNHV-HSSV ngày 22/6/2023 của Hiệu trưởng
Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương)

TT	STT theo lớp	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Xếp loại xét, cấp học bổng	Ghi chú
Nghề: Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí							
1.	1	20KTL2	20KTL2.002	Cao Tuấn Anh	06/07/1999	Xuất sắc	
2.	1	21KTL2	21KTL2.013	Trần Hiếu Nghĩa	28/07/2006	Giỏi	
3.	1	22KTL2	22KTL1.005	Hồ Nhựt Thắng	21/03/2002	Giỏi	
4.	2	22KTL2	22CĐL2.020	Dương Tấn Phong	08/08/2006	Giỏi	
Nghề: Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh							
5.	1	20CĐL2	20CĐL2.017	Tăng Tuấn Khanh	19/04/2005	Khá	
6.	1	22CĐL2	22CĐL2.023	Trương Hoàng Phúc	29/10/2007	Khá	
7.	2	22CĐL2	22CĐL2.024	Lý Trắc Quan	18/09/2006	Khá	
Nghề: Công nghệ ô tô							
8.	1	20CNO2	20CNO2.064	Bùi Tuấn Kiệt	10/12/1999	Giỏi	
9.	2	20CNO2	20CNO2.086	Phạm Quốc Lực	17/08/1997	Khá	
10.	3	20CNO2	20CNO2.098	Nguyễn Đăng Nguyễn	08/10/2005	Khá	
11.	1	21CNO1	21CNO1.022	Võ Gia Khánh	11/11/2004	Khá	
12.	1	21CNO2	21CNO2.143	Cao Trần Công Minh	03/02/2006	Giỏi	
13.	2	21CNO2	21CNO2.109	Hồ Bảo Minh Trí	12/09/2006	Khá	

CM

TT	STT theo lớp	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Xếp loại xét, cấp học bổng	Ghi chú
14.	3	21CNO2	21CNO1.020	Nguyễn Tấn Phát	10/10/2003	Khá	
15.	4	21CNO2	21CNO2.161	Đặng Hoàng Quan Thái	11/01/2006	Khá	
16.	5	21CNO2	21CNO2.119	Lê Huỳnh Chí	24/08/2005	Khá	
17.	6	21CNO2	21CNO2.023	Lê Quốc Tuấn	31/07/2005	Khá	
18.	1	22CNO1	22CNO1.020	Võ Thanh Nguyên	19/08/1990	Giỏi	
19.	1	22CNO2	22CNO2.084	Võ Chí Nguyên	24/09/1997	Giỏi	
20.	2	22CNO2	22CNO2.026	Tô Thanh Hậu	20/03/2007	Khá	
21.	3	22CNO2	22CNO2.143	Phùng Tuấn Vũ	05/08/2006	Khá	
22.	4	22CNO2	22CNO2.057	Lâm Trần Đăng Khoa	18/01/2007	Khá	
23.	5	22CNO2	22CNO2.055	Biện Anh Khoa	01/08/2007	Khá	
Nghề: Quản trị mạng máy tính							
24.	1	20QTM2	20QTM2.012	Trần Quốc Đạt	13/05/2005	Giỏi	
25.	2	20QTM2	20QTM2.042	Hà Minh Luân	19/09/2005	Giỏi	
26.	1	21QTM2	21QTM2.061	Trần Hoàng Bảo Châu	29/12/2006	Xuất sắc	
27.	2	21QTM2	21QTM2.042	Quách Quang Minh	10/11/2006	Giỏi	
28.	3	21QTM2	21QTM2.029	Trịnh Tấn Tín	10/11/2006	Giỏi	
29.	4	21QTM2	21QTM2.004	Lê Trần Gia Hưng	27/10/2006	Giỏi	
30.	1	22QTM2	22QTM1.004	Trần Quốc Minh	24/09/2006	Khá	
31.	2	22QTM2	22QTM2.079	Nguyễn Hồng Phát	24/03/2007	Khá	
32.	3	22QTM2	22SCMT2.006	Nguyễn Ngọc Huy	02/03/2007	Khá	
33.	4	22QTM2	22QTM2.003	Lu Nguyễn Mạnh Cường	23/07/2007	Khá	
34.	5	22QTM2	22QTM2.051	Quách Tuấn Thành	06/06/2006	Khá	

TT	STT theo lớp	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Xếp loại xét, cấp học bổng	Ghi chú
Nghề: Vẽ và thiết kế trên máy tính							
35.	1	20TKĐH2	20TKĐH2.101	Nguyễn Nhật Quyên	21/06/2005	Giỏi	
36.	2	20TKĐH2	20TKĐH2.035	Lê Vĩnh Hùng	06/11/2004	Giỏi	
37.	3	20TKĐH2	20TKĐH2.116	Lưu Vương Thái	24/10/2005	Giỏi	
38.	4	20TKĐH2	20TKĐH2.050	Huỳnh Thục Lệ	14/09/2005	Giỏi	
39.	5	20TKĐH2	20TKĐH2.080	Lý Bội Như	06/03/2005	Giỏi	
40.	6	20TKĐH2	20TKĐH2.145	Vương Khánh Vinh	02/09/2005	Giỏi	
41.	1	21TKĐH1	21TKĐH1.004	Son Giàu	01/01/1997	Xuất sắc	
42.	1	21TKĐH2	21TKĐH2.132	Nguyễn Đức Tín	07/04/2004	Xuất sắc	
43.	2	21TKĐH2	21TKĐH2.034	Tạ Nguyên Khang	05/07/2005	Xuất sắc	
44.	3	21TKĐH2	21TKĐH2.030	Nguy Ngọc Hoàng Duy	14/12/2006	Giỏi	
45.	4	21TKĐH2	21TKĐH2.029	Nguyễn Bình Phương Ánh	14/08/2006	Giỏi	
46.	5	21TKĐH2	21TKĐH2.114	Huỳnh Đăng Khoa	12/11/2006	Giỏi	
47.	6	21TKĐH2	21TKĐH2.142	Trần Bảo Trân	20/10/2006	Khá	
48.	7	21TKĐH2	21TKĐH2.052	Nguyễn Đức Toàn	29/11/2006	Khá	
49.	8	21TKĐH2	21TKĐH2.057	Nguyễn An Thịnh	26/10/2006	Khá	
50.	1	22TKĐH2	22TKĐH1.006	Mai Bảo Phương	31/08/1989	Giỏi	
51.	2	22TKĐH2	22TKĐH1.009	Lương Hoàng Khôi	01/04/2007	Giỏi	
52.	3	22TKĐH2	22TKĐH2.002	Quang Gia Ân	26/11/2007	Giỏi	
53.	4	22TKĐH2	22TKĐH1.003	Phạm Hào Khang	03/01/2002	Khá	
54.	5	22TKĐH2	22TKĐH2.027	Trần Minh Hưng	21/11/2006	Khá	
55.	6	22TKĐH2	22TKĐH2.008	Lưu Bảo Châu	17/06/2007	Khá	

TT	STT theo lớp	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Xếp loại xét, cấp học bổng	Ghi chú
56.	7	22TKĐH2	22TKĐH2.112	Nguyễn Bửu Tuệ	21/11/2007	Khá	
57.	8	22TKĐH2	22TKĐH2.069	Châu Kính Nguyên	17/05/2006	Khá	
58.	9	22TKĐH2	22TKĐH2.060	Nguyễn Tuấn Minh	21/07/2007	Khá	
Nghề: Điện tử công nghiệp							
59.	1	22ĐTCN2	22ĐTCN2.006	Trương Tuấn Kiệt	19/04/2007	Giỏi	
Nghề: Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính							
60.	1	20SCMT2	20SCMT2.003	Lý Diệu Cơ	09/06/2005	Khá	
61.	1	21SCMT2	21SCMT1.009	Nguyễn Trọng Vinh	30/12/1999	Khá	
62.	2	21SCMT2	21SCMT2.011	Trần Hoàng Phúc	15/03/2006	Khá	
63.	1	22SCMT2	22SCMT2.020	Đặng Quốc Tài	18/09/2005	Giỏi	
64.	2	22SCMT2	22SCMT2.026	Lương Nguyễn Triều Vỹ	05/09/2005	Giỏi	
Nghề: Cơ điện tử							
65.	1	20CĐT2	20CĐT2.014	Nguyễn Văn Phát	21/11/2001	Xuất sắc	
66.	1	21CĐT2	21CĐT2.003	Nguyễn Đức Lễ	04/07/2006	Giỏi	
67.	2	21CĐT2	21TĐH1.002	Ngô Mạnh Trường	20/09/2003	Giỏi	
68.	1	22CĐT2	22ĐCN2.006	Nguyễn Trí Tài	08/01/2007	Khá	
Nghề: Cắt gọt kim loại							
69.	1	20CGKL2	20CGKL2.004	Phạm Nguyễn Thành Danh	25/07/2005	Giỏi	
70.	1	21CGKL2	21CGKL1.005	Đinh Công Định	09/10/2003	Giỏi	
71.	1	22CGKL2	22CGKL1.004	Nguyễn Quang Huy	01/10/2001	Xuất sắc	
Nghề: Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí							
72.	1	20BCK2	20BCK2.004	Lê Văn Hiếu	28/10/2005	Giỏi	

TT	STT theo lớp	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Xếp loại xét, cấp học bổng	Ghi chú
73.	2	20BCK2	20BCK2.022	Giang Vũ Phương	01/01/1993	Khá	
74.	1	21BCK2	21BCK2.006	Thái Bảo Chung	30/01/2006	Xuất sắc	
Nghề: Điện công nghiệp							
75.	1	22ĐCN2	22ĐCN2.005	Lưu Kiên Phong	21/02/2006	Giỏi	
Nghề: May thời trang							
76.	1	21MTT2	21CNO2.180	Trần Minh Khang	22/04/2006	Khá	
77.	1	22MTT2	22MTT2.005	Huỳnh Thụy Hoàng Điệp	13/12/1995	Giỏi	

Tổng cộng danh sách có 77 học sinh được nhận học bổng khuyến khích học tập trong học kỳ I năm học 2022-2023, trong đó:

- Loại Xuất sắc : 08 học sinh.
- Loại Giỏi : 34 học sinh.
- Loại Khá : 35 học sinh./.

at



